

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 24- 9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Đức Thành

+ Bà Nguyễn Thị La

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ánh Phương là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Nhà văn hóa khóm 6, thị trấn H, huyện H, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST- HS ngày 03/7/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019HSST-QĐ ngày 27/8/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu H (tên gọi khác: H), sinh ngày 01 tháng 02 năm 1977 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 18/240 Nguyễn Trãi, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Bán cà phê; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu L (đã chết), con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941; vợ tên Hoàng Thị M (đã ly hôn).

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2014/HSST, ngày 04/12/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 05 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo có đơn kháng cáo bản án nói trên, Tại Bản án số 96/2015/HSPT ngày 30/3/2015 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xử phạt Lê Hữu H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 10/02/2018.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Năm 1991, bị Ủy ban nhân dân thành phố H đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục với thời gian 02 năm.

- Năm 1994, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Năm 1995, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Năm 1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 02 năm về hành vi “Trộm cắp tài sản”.
- Năm 2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Năm 2004, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Năm 2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.
- Năm 2008, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1978 tại Thừa Thiên Huế; nơi trú: 2/156 Tăng Bạt Hổ, phường Ph, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân O, sinh năm 1945 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1943; vợ tên Lê Thị Hồng Đ; có 02 con sinh đôi, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.
- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2001/HSST ngày 20/3/2001 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo kháng cáo, Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2001/HSPT ngày 29/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt bị cáo 18 tháng tù, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam trong một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Lê Văn H, sinh năm 1976; chị Phạm Thị M, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (anh H có mặt, chị M vắng mặt).

Người làm chứng.

- Anh: Trần Văn Tr, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Phò Nam B, xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.
- Anh: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Phò Nam B, xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 19/12/2018, Lê Hữu H điện thoại cho Nguyễn Xuân Tr bảo Trung thuê xe ô tô để H và Tr đi trộm cắp tài sản thì Tr đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Xuân Tr đến Công ty TNHH DV du lịch T có địa chỉ tại 21, Trần Cao Vân, phường Ph, thành phố H thuê xe ô tô biển kiểm soát 75A-091.04, loại xe 04 chỗ ngồi, màu sơn Trắng và tự lái đến đón Lê Hữu H. Lúc này, H mang theo một túi xách màu đen, bên trong đựng 01 cái tuốc nơ vít, 01 cái kìm và 01 đôi găng tay làm bằng len. Sau khi đón H, Tr điều khiển xe ô tô đi loanh quanh thành phố H, trên đường đi H bảo Tr lên Quốc lộ 1A rồi đi ra hướng Quảng Trị tìm xem có nhà dân nào sơ hở để đột nhập lấy trộm tài sản, do vậy Tr điều khiển xe ô tô đi lên Quốc lộ 1A rồi đi ra hướng Quảng Trị. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H cùng với Tr đi lòng vòng tìm nhà dân có sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp nhưng không có. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 20/12/2018, Tr và H quay trở lại địa bàn thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, khi đi qua khỏi cầu vượt Quốc lộ 1A khoảng 50 mét thì H bảo Tr dừng xe lại để H xuống, sau đó Tr điều khiển xe ô tô vào hướng Nam, dừng xe cách vị trí H xuống khoảng 1,5 km. Sau khi xuống xe H đi bộ và trèo qua dải phân cách giữa hai làn đường của Quốc lộ 1A đến nhà dân ven đường thì thấy nhà anh Lê Văn H điện đang bật sáng, H tiến sát vào nhà quan sát thì thấy cửa hông chỉ khép hờ, H đột nhập vào nhà, khi đi đến phòng ngủ thứ nhất và phòng ngủ thứ hai đều có người đang nằm ngủ, H tiếp tục đi đến phòng ngủ thứ ba thì thấy cửa phòng bị khóa nên H sử dụng tuốc nơ vít mang theo để cạy lê khóa cửa làm cho lề bị bung ra, H đẩy cửa đi vào thì thấy gần với vị trí ra vào cửa phòng ngủ có 01 két sắt, nghĩ là tài sản đều được để trong két sắt nên đã đi đến giường ngủ trong phòng lấy cái chặn màu đỏ đưa đến trái trên nền nhà gần vị trí két sắt, sau đó lật két sắt lên cái chặn rồi dùng sức kéo cái chặn và két sắt ra lề Quốc lộ 1A, sau đó gọi điện cho Tr quay xe lại đón mình, khi Tr vừa dừng xe lại thì H mở cửa phía sau bên phải xe ô tô rồi cùng với Tr đưa két sắt lên để ở dãy ghế sau của xe, H lên ngồi ở hàng ghế phía sau, còn Tr điều khiển xe ô tô đi quay lại vào hướng thành phố H. Trên đường đi, H điện thoại cho chị gái của mình là Lê Thị Thu H, sinh năm 1972, trú tại: 415 Tầng Bạt Hồ, phường Ph, thành phố H nhờ chị H đưa búa ra cho H mượn, chị H không hỏi H mượn búa để làm gì mà vào nhà em rể là Lê Văn Th lấy một cái búa có cán dài khoảng 40cm rồi đưa búa lên Quốc lộ 1A cho H mượn, sau khi đưa búa cho H, chị H vào lại thành phố H, còn H và Tr điều khiển xe vào Tỉnh lộ 8B đi về địa phận huyện Qu. Trên đường đi H sử dụng búa phá két sắt để lấy tài sản, sau khi phá được cửa két sắt, H bật đèn pin ở điện thoại kiểm tra tài sản trong két sắt thì thấy tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành với nhiều mệnh giá khác nhau và một số giấy tờ, sau đó H bỏ búa, găng tay, tuốc nơ vít, kìm vào trong túi xách và bảo Tr dừng xe lại để ném két sắt ra mép bờ ruộng ngập nước sát với lề đường bê tông thôn Phò Nam B, xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó, Tr điều khiển xe ô tô chở H quay lại thành phố H, trên đường đi H đưa tiền ra kiểm tra được 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng), khi đếm tiền xong H nói với Tr “được ít”, sau khi về đến trước cửa nhà thì H xuống xe, Tr điều khiển xe

ô tô về nhà mình, khoảng 18 giờ cùng ngày Tr đến nhà H uống cafe, tại đây H đưa cho Tr 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng), Tr về nhà đưa xe ô tô đến công ty TNHH một thành viên thương mại DV du lịch T và lấy 500.000đồng trong số 6.000.000đồng mà H chia để trả tiền thuê xe, còn lại 5.500.000đồng Tr sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 21/12/2018, ông Trần Văn Tr, sinh năm 1973, trú tại Phò Nam B, xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện 01 thẻ bảo hành màu vàng ZIRCONIA (loại thẻ làm răng) đã qua sử dụng; 01 tấm vải màu đỏ rộng 20cm, dài 30cm đã qua sử dụng; 01 kết sắt có chiều rộng 46cm, chiều cao 70cm, chiều sâu 33cm, mã hiệu K40, số seri 19614, được sản xuất tại công ty Việt Tiệp, tình trạng kết sắt đã bị cạy phá, móp méo và rỉ sét; 02 nhẫn bằng kim loại tròn, màu vàng. Sau khi phát hiện những vật nói trên ông Tr liền trình báo sự việc với Công an huyện Qu.

Ngày 14/01/2019, ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987, trú tại thôn Phò Nam B, xã Qu, huyện Qu, tỉnh Thừa Thiên Huế đi làm ruộng phát hiện tại thửa ruộng của mình, sát mép đường bê tông thôn Phò Nam B, xã Qu, huyện Qu có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số B7349812 do UBND huyện H cấp cho anh Lê Văn H, sinh năm 1976; trú tại thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; 01 bảng kê thanh toán của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Th; 01 thẻ bảo hiểm y tế mã số HS4454520602367 mang tên Lê Thành Đ, sinh ngày 15/10/2002 nên đã trình báo và giao nộp cho cơ quan công an.

Tại kết luận số 483/C09 ngày 27/5/2019, của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng xác định: Nhẫn kim loại màu vàng thứ nhất có hàm lượng 95,15%, khối lượng 3,75gam; nhẫn kim loại màu vàng thứ hai có hàm lượng 93,94%, khối lượng 3,72 gam.

Tại bản kết luận định giá số 30/KL-ĐGTS ngày 03/6/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H có kết luận: 02 nhẫn vàng nói trên có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc ngày 20/12/2018 là 7.265.820đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, mã hiệu K40, có chiều cao 70cm; rộng 46cm; sâu 33cm có giá trị 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Bản cáo trạng số 09/2019/CT- VKSHL ngày 30/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị truy tố Lê Hữu H (tên gọi khác: H) và Nguyễn Xuân Tr về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Hữu H từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Xuân Tr từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu HENGCHUAN, ổ khóa trong trạng thái đóng, trong thanh khóa còn gắn khuy khóa đã bị gãy; 01 kết sắt có chiều rộng 46cm, chiều cao 70cm, chiều sâu 33cm, mã hiệu K40, số seri 19614 được sản xuất tại công ty Việt Tiệp, tình trạng kết sắt đã bị cạy phá, móp méo và rò rỉ sét (Các vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H).

Bị hại trình bày: Vào rạng sáng ngày 20/12/2018, các bị cáo chiếm đoạt 90.000.000đồng và 04 nhẫn vàng có trọng lượng 05 chỉ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị hại không chứng minh được số tài sản của mình bị chiếm đoạt như trình bày, cơ quan cảnh sát điều tra đã áp dụng mọi biện pháp điều tra và các bị cáo thừa nhận chỉ chiếm đoạt của bị hại 18.000.000đồng và 02 nhẫn vàng trị giá 7.265.820đồng. Do đó, bị hại chấp nhận số tài sản mà mình bị chiếm đoạt như các bị cáo thừa nhận và không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận với nhau.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Vào 03 giờ 30 phút, ngày 20/12/2018, Lê Hữu H có sự giúp sức của Nguyễn Xuân Tr đã lén lút, đột nhập vào nhà của anh Lê Văn H và chị Phạm Thị M tại thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn H và chị Phạm Thị M có tổng trị giá 26.315.820đồng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, hành vi của Lê Hữu H và Nguyễn Xuân Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lê Hữu H đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Tr có bố được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và mẹ là thương binh hạng 4/4 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Xét tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân xấu, đối với Lê Hữu H đang có một tiền án nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm và cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Trong vụ án này, Lê Hữu H là người chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, Lê Hữu H phải chịu mức hình phạt cao hơn Nguyễn Xuân Tr là hợp lý.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho phía bị hại. Tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu 01 ổ khóa hiệu HENGCHUAN, ổ khóa trong trạng thái đóng, trong thanh khóa còn gắn khuy khóa đã bị gãy; 01 kết sắt có chiều rộng 46cm, chiều cao 70cm, chiều sâu 33cm, mã hiệu K40, số seri 19614 được sản xuất tại công ty Việt Tiệp, tình trạng kết sắt đã bị cạy phá, móp méo và rỉ sét. Tại phiên Tòa, anh H không yêu cầu được nhận lại vì tài sản không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu H (tên gọi khác: H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt **Lê Hữu H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù**, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt **Nguyễn Xuân Tr 15 (Mười lăm) tháng tù**, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 ổ khóa hiệu HENGCHUAN, ổ khóa trong trạng thái đóng, trong thanh khóa còn gắn khuy khóa đã bị gãy; 01 kết sắt có chiều rộng 46cm, chiều cao 70cm, chiều sâu 33cm, mã hiệu K40, số seri 19614 được sản xuất

tại công ty Việt Tiệp, tình trạng kết sắt đã bị cạy phá, móp méo và rò rỉ rết, (Các vật chứng trên Hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H).

4. Về án phí: Áp dụng điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lê Hữu H và Nguyễn Xuân Tr mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- CA, VKS, THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- THA hình sự;
- Lưu hồ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Khánh

